

Bản án số: 46 /2018/HNGĐ-ST

Ngày: 04 - 5 - 2018

*"V/v kiện xin ly hôn,
chia tài sản chung"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHONG ĐIỀN, TỈNH THỪA THIÊN HUẾ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Đạt.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Lý và bà Nguyễn Thị Hòa.

Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Thị Như Thuận - Thư ký Toà án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế tham gia phiên tòa: Ông Lê Ngọc Thành, Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 5 năm 2018, tại hội trường Toà án nhân dân huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 134/2017/TLST- HNGĐ ngày 01 tháng 11 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 04/2018/QĐXXST-DS ngày 22 tháng 3 năm 2018 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị K, sinh năm: 1963 (có mặt).

2. *Bị đơn:* Ông Hoàng A, sinh năm: 1961 (vắng mặt).

Đều trú tại: Thôn S, xã P, huyện Pn, tỉnh Thừa Thiên Huế.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại đơn khởi kiện đề ngày 29/9/2017, nguyên đơn là bà Nguyễn Thị K trình bày giữa bà và bị đơn là ông Hoàng A tự nguyện tìm hiểu nhau và chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1984 nhưng không đăng ký kết hôn. Hai ông bà chung sống hạnh phúc khoảng 10 năm thì nảy sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do ông A thường xuyên rượu bia say xua rồi xúc phạm, chửi bới, đánh đập bà K, đập phá đồ đạc trong gia đình. Những năm gần đây, ông A rơi vào tình trạng nghiện ngập bia rượu, thường xuyên không làm chủ được bản thân nên mâu thuẫn giữa ông bà ngày càng trầm trọng hơn. Mâu thuẫn kéo dài nhiều năm không giải quyết được, hiện bà K nhận thấy hai người không thể tiếp tục chung sống với nhau nên bà yêu cầu Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với ông A.

Về con chung: Hai ông bà có 04 người con chung là Hoàng Công S, sinh năm: 1986; Hoàng Thị T, sinh ngày: 04/5/1988; Hoàng Công S1, sinh ngày: 22/9/1994 và Hoàng Kỳ T1, sinh ngày: 25/8/1996.

Các cháu đều đã thành niên, có sức khỏe và sống tự lập nên bà K không đặt ra việc giải quyết nuôi con.

Về tài sản chung: Hai ông bà có khối tài sản chung gồm: Ngôi nhà ở có diện tích nhà trên 45m², nhà dưới 48m², tọa lạc tại thôn S, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (Ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất số 16, tờ bản đồ 75- xã P) và 14 thửa đất tọa lạc tại thôn S, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế. Tại đơn khởi kiện, bà K yêu cầu phân chia khối tài sản trên. Sau khi Tòa án thụ lý yêu cầu của bà, lần lượt vào các ngày 26/01/2018 và ngày 09/3/2018 thì bà K đã có đơn xin rút yêu cầu giải quyết tài sản, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà K trình bày là không có.

[2] Đối với bị đơn: Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Hoàng A không đến Tòa án theo giấy triệu tập, không ký nhận các văn bản tố tụng của Tòa án và không thực hiện hoạt động tố tụng nào theo yêu cầu của Tòa án.

Về việc kiểm sát việc tuân theo pháp luật tố tụng, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phong Điền có ý kiến: Quá trình từ khi thụ lý giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đúng quy định pháp luật.

Đối với các bên đương sự phía nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ nghĩa vụ của mình; về phía bị đơn ông Hoàng A mặc dù đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng ông A từ chối nhận văn bản, không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình khi tham gia tố tụng. Việc vắng mặt của ông A không ảnh hưởng đến nội dung giải quyết vụ án. Vì vậy đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của tố tụng dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả xét hỏi tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị K và ông Hoàng A tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1984 nhưng không có đăng ký kết hôn. Việc bà K và ông A chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 1984 mà không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 (đây là hôn nhân thực tế) cần được chấp nhận. Như vậy, Tòa án căn cứ vào khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự để thụ lý giải quyết vụ án là đúng quy định.

Đối với bị đơn ông Hoàng A đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết các văn bản tố tụng hợp lệ nhiều lần nhưng ông A vẫn không đến Tòa án để giải quyết là vì vậy căn cứ vào các Điều 70; Điều 72; khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt ông A.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Qua trình bày của bà K, quá trình chung sống, ông A thường xuyên rượu chè bê tha, gây gỗ vợ con, đập phá đồ đạc trong nhà, không tập trung xây dựng gia đình nên cuộc sống chung đã nảy sinh nhiều mâu thuẫn không thể giải quyết được và ngày càng trầm trọng. Sau khi bà K gửi đơn yêu cầu

xin ly hôn, quá trình giải quyết vụ án, ông A đã được Tòa án thông báo và triệu tập hợp lệ đến Tòa án để giải quyết vụ án nhưng ông A không đến tại Tòa án theo Giấy triệu tập. Như vậy, bị đơn đã không thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật, có ý thức bỏ mặc, không quan tâm đến hạnh phúc gia đình mình. Hiện bà K có yêu cầu ly hôn với ông A, cần phải áp dụng Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình; căn cứ khoản 2 Nghị quyết 01/NQ-HĐTP ngày 20/01/1988 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị K cho bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Hoàng A.

[3] Về con chung: Các cháu Hoàng Công S, Hoàng Thị T, Hoàng Công S1 và Hoàng Kỳ T1 đều đã thành niên, có sức khỏe tốt và có cuộc sống riêng ổn định nên ông bà không đặt ra việc giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Vào ngày 26/01/2018 bà K đã có đơn xin rút yêu cầu giải quyết phần tài sản là 14 thửa đất tọa lạc tại thôn S, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế; tiếp đến ngày 09/3/2018 bà K có đơn xin rút yêu cầu giải quyết phần tài sản là nhà ở tọa lạc tại thôn S, xã P, huyện P, tỉnh Thừa Thiên Huế (Ngôi nhà được xây dựng trên thửa đất số 16, tờ bản đồ 75 - xã P). Do đó, vào các ngày 21/02/2018 và ngày 12/3/2018, Tòa án đã ra các Quyết định đình chỉ giải quyết yêu cầu phân chia tài sản.

[5] Về nợ chung: Bà K trình bày không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị K phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm. Số tiền tạm ứng án phí yêu cầu giải quyết tài sản mà bà K đã nộp tại cơ quan thi hành án dân sự huyện Phong Điền, tỉnh Thừa Thiên Huế được trả lại cho bà K.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 14; Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Căn cứ Nghị quyết số: 01/NQ-HĐTP ngày 20/01/1988 của Hội đồng Thẩm phán hướng dẫn áp dụng một số quy định của Luật Hôn nhân và gia đình

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 4 Điều 147; khoản 1 Điều 207 và điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Nguyễn Thị K, cho bà Nguyễn Thị K được ly hôn với ông Hoàng A.

Về án phí: Buộc bà K phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào số tiền đã nộp trước là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số: 003541 ngày 01 tháng 11 năm 2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền. Trả lại cho bà Nguyễn Thị K số tiền tạm ứng án phí về tranh chấp tài sản là 9.266.250 đồng (Chín triệu hai trăm sáu mươi sáu nghìn hai trăm

năm mươi đồng).

Báo cho nguyên đơn biết có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thừa Thiên Huế;
- VKSND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- UBND xã P Sơn;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Ấn văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Nguyễn Văn Đạt